

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2025

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu

2. Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1992 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Bạch Ngọc S, sinh năm 1984 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/02/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Bà Hà Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Bạch Ngọc S tự nguyện cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/2013. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã, ông S thường xuyên bạo lực gia đình, mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bạch Ngọc Gia B, sinh ngày 07/6/2014 và Bạch Thị Ngọc T, sinh ngày 08/10/2016. Hiện 02 cháu đang ở chung với bà Đ. Sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo Biên bản hoà giải ngày 20 tháng 3 năm 2025, bị đơn – Ông Bạch Ngọc S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông không thống nhất với nội dung trình bày của bà Đ về tình cảm và mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân bà Đ giận ông với lý do kinh tế gia đình, bà Đ tự dẫn 02 con chung bỏ đi từ năm 2024 cho đến nay, không cho ông được gặp và nói chuyện với con. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Đ, ông không đồng ý ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Bạch Ngọc Gia B, sinh ngày 07/6/2014 và Bạch Thị Ngọc T, sinh ngày 08/10/2016. Hiện 02 cháu đang ở chung với bà Đ, sau khi ly hôn, ông S yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Đồng ý giao cháu T cho bà Đ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/4/2025, bị đơn – Ông Bạch Ngọc S trình bày:

Đối với việc ly hôn của ông và bà Hà Thị Đ ông xác định đồng ý ly hôn và đồng ý giao 02 con chung cho bà Hà Thị Đ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, ông sẽ cấp dưỡng bên ngoài. Nay vì lý do ông phải đi làm không xin nghỉ được nhiều vì vậy ông yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông tại buổi xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hà Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Bạch Ngọc S do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Bạch Ngọc S có nơi cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Bà Đ và ông S vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên các ông bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ và ông S

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 *Về hôn nhân*: Bà Đ và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2013, quyền số 01/2023 ngày 23/12/2013 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Sau khi kết hôn bà Đ và ông S thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian vài năm gần đây cả hai xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà Đ nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã, ông S thường xuyên bạo lực gia đình, mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không thành. Theo ông S nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là về vấn đề kinh tế gia đình và bà Đ tự dẫn 02 con chung bỏ đi từ năm 2024 cho đến nay. Cả hai xác định và cả hai đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn thì ông S cũng đồng ý ly hôn. Từ nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà Đ và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, bà Đ được ly hôn với ông S.

2.2 *Về con chung*:

Giữa bà Đ và ông S có 02 con chung, tên Bạch Ngọc Gia B, sinh ngày 07/6/2014 và Bạch Thị Ngọc T, sinh ngày 08/10/2016. Hiện 02 cháu đang ở chung với bà Đ. Sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông S đồng ý để bà Đ được nuôi 02 con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Mặt khác, tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 04/4/2025, cả hai cháu T và B có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Đ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đ được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu B và T, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu, bà Đ phải tạo điều kiện cho ông S trong việc tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình

2.3 *Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Bà Đ và ông S xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Đ là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Đ và ông S có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thị Đ được ly hôn với ông Bạch Ngọc S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Bạch Ngọc Gia B, sinh ngày 07/6/2014 và Bạch Thị Ngọc T, sinh ngày 08/10/2016 cho bà Hà Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Đ phải tạo điều kiện cho ông S trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Đ không yêu cầu nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Hà Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008088 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Hà Thị Đ và ông Bạch Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện; Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh

